TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2024/DS-ST
Ngày 26 – 12 – 2024
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Sim

2. Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 490/2024/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh ngày 09/10/1964; Địa chỉ: số nhà 564, khu phố 2, phường Bình Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp Tân P, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Ngô Văn T (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 14/4/2022, bà Nguyễn Thị T1 cùng chồng là ông Lê Văn P có vay của ông số tiền 190.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, thời hạn vay 04 tháng (ngày 14/8/2022) sẽ trả lại số tiền trên, việc vay giữa hai bên có viết giấy thỏa thuận và xác nhận mượn tiền có chữ viết, chữ ký ghi họ tên vợ chồng chị T1. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay vợ chồng chị T1 không trả vốn và lãi cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh P, chị T1 có trách nhiệm trả cho ông số tiền 190.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 14/4/2022 đến ngày xét xử (ngày 26/12/2024) theo mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền lãi là 102.189.600 đồng. Tổng hai khoản, ông yêu cầu với số tiền là 292.189.600 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm đồng), ông không yêu cầu ông P

cùng bà T1 trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, không yêu cầu trả lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc.

Đối với bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn P (bị đơn), Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng ông P, bà T1 không đến Toà cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền, có quy định lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy thỏa thuận và xác nhận mượn tiền có chữ viết, chữ ký ghi họ tên vợ chồng bị đơn cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện việc bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 190.000.000 đồng là sự thật nên không phải chứng minh.

[4] Do bị đơn vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc thỏa thuận mức lãi suất phải trả, việc trả lãi, trả vốn cho nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình nên lời trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn không trả lãi, không trả vốn trong thời gian vay được chấp nhận. Mặc dù, bị đơn vi phạm thời hạn thỏa thuận trả nợ nhưng nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả, không yêu cầu tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả - Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tương đương mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 32 tháng 12 ngày với số tiền lãi 102.189.600 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Từ đánh giá tại mục [3], [4] và [5], có cơ sở xác định bị đơn hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 190.000.000 đồng và tiền lãi là 102.189.600 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, do nguyên đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn T.

Buộc ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị T1 trả cho ông Ngô Văn T các khoản với số tiền 292.189.600 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày ông Ngô Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Lê Văn P cùng bà Nguyễn Thị T1 không tự nguyện thi hành xong khoản tiền vay thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu số tiền 14.609.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm lẽ chín nghìn đồng, chưa nộp).

Ông Ngô Văn T không phải chịu, đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên không hoàn lại.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký
Lâm Hoài Ân